

YẾU TỐ TÁC ĐỘNG ĐẾN CHẤT LƯỢNG ĐÀO TẠO TẠI KHOA ANH-PHÁP-ĐỨC: GÓC NHÌN TỪ PHÍA NGƯỜI HỌC

Phạm Ngọc Thạch*

Nâng cao chất lượng đào tạo đòi hỏi nỗ lực từ lãnh đạo, giảng viên, cán bộ và cả sinh viên của cơ sở giáo dục. Bài viết trình bày kết quả phân tích dữ liệu khảo sát hơn 1.200 sinh viên của các khoa tiếng Anh, tiếng Pháp và tiếng Đức, Trường Đại học Hà Nội về chất lượng giảng dạy một số môn học thực hiện trong năm thứ hai và thứ ba của năm học 2016-2017. Sử dụng phương pháp phân tích tần suất, phép kiểm định T-test và mô hình bội quy, vận dụng quan điểm chất lượng đào tạo của hệ thống đảm bảo chất lượng của Mạng lưới các trường đại học ASEAN (AUN-QA), tác giả trình bày kết quả so sánh chất lượng giảng dạy một số môn học tại 3 khoa, đồng thời đưa ra khuyến nghị cải tiến chất lượng giảng dạy trên 3 bình diện: tổ chức thực hiện môn học, giảng viên và thi, kiểm tra đánh giá môn học.

Từ khóa: chất lượng, phân tích tần suất, phép kiểm định T-test, mô hình bội quy, AUN-QA.

It is important that leaders, administrators, teachers and students of educational institutions be involved in training quality improvement. This paper analyzes the results gained from a survey on teaching quality of some subjects offered for over 1,200 second-year and third-year students from English Department, France Department and German Department at Hanoi University within 2016-2017. By applying frequency analysis method, T-test and logistic regression model as well as the perspective of ASEAN University Network – Quality Assurance (AUN-QA) on training quality at institutional level, the author compares the teaching quality of some subjects at the three departments, then proposes recommendations for teaching from three aspects: course organization, lecturers and exams, testing and assessment.

Key words: quality, frequency analysis, T-test, logistic regression model, AUN-QA

I. ĐẶT VẤN ĐỀ

Năm 2017 là một năm có ý nghĩa đặc biệt đối với giảng viên và sinh viên Khoa tiếng Anh, Khoa tiếng Đức và Khoa tiếng Pháp của Trường Đại học Hà Nội. Cách đây nửa thế kỷ, khi đất nước còn đang trong cuộc chiến bảo vệ tổ quốc vĩ đại, những lứa sinh viên đầu tiên của đất nước đã bắt đầu được tiếp cận với ngôn ngữ của

3 nước phương Tây thời bấy giờ là tiếng Anh, tiếng Pháp và tiếng Đức.

Trải qua 50 năm hình thành và phát triển, ngày nay, giảng viên và sinh viên của 3 khoa đã và đang đóng góp rất lớn cho sự nghiệp phát triển của đất nước nói chung và Trường Đại học Hà Nội nói riêng. Sự phát triển lớn mạnh của 3 khoa không chỉ về mặt số lượng mà còn về chất lượng khi hầu hết giảng viên đều được đi tu nghiệp ở các nước nói tiếng Anh, Đức, Pháp và sinh viên ra trường đều đáp ứng

* TS., Trường Đại học Hà Nội
Email: thachpn@hanu.edu.vn

được nhu cầu của thị trường lao động đầy khắc nghiệt như hiện nay.

Đặc biệt, trong những năm gần đây, cả 3 khoa đều chú trọng vào việc thu thập ý kiến của sinh viên về chất lượng giảng dạy các môn học tại khoa mình. Ý kiến của sinh viên đang theo học và sinh viên đã tốt nghiệp góp phần giúp cho đơn vị giảng dạy cải tiến chương trình đào tạo cho phù hợp hơn với nhu cầu của xã hội (Ten Eyck, Tews, & Ballester, 2009; Witowski, 2008). Kết quả các nghiên cứu trước đây cho thấy sinh viên càng hài lòng với chương trình đào tạo của nhà trường thì họ càng chăm học hơn và khả năng tìm được việc làm sau khi ra trường cũng cao hơn (Bryant, 2009; Bryant, 2006; Özgüngör, 2010).

Hoạt động khảo sát sinh viên là yêu cầu bắt buộc của Bộ Giáo dục và Đào tạo để các cơ sở giáo dục đào tạo xây dựng đề án tuyển sinh hàng năm, phục vụ công tác dự báo nhu cầu của thị trường lao động (Bộ GD-ĐT, 2017). Trong thời gian qua, nhiều trường đã tiến hành khảo sát và đưa ra nhận định thú vị về chất lượng giảng dạy môn học, làm cơ sở cho việc cải tiến chất lượng đào tạo tại cơ sở của mình (Lại Xuân Thủy, 2011; Nguyễn Thị Thu Hiền, 2015; Trần Xuân Kiên, 2016). Hoạt động khảo sát cần được thực hiện không chỉ đối với sinh viên hiện đang học tại trường mà còn đối với cả những sinh viên đã tốt nghiệp để nhà trường có cơ sở xây dựng chính sách quản lý, chương trình đào tạo phù hợp với những thay đổi nhanh chóng của thị trường lao động.

Bài viết này dựa trên kết quả khảo sát sinh viên năm thứ 2 và thứ 3 của các khoa

tiếng Anh, tiếng Đức và tiếng Pháp về chất lượng giảng dạy một số môn học. Mục tiêu chính của bài viết là phân tích và so sánh chất lượng giảng dạy một số môn học thực hành tiếng (nghe và đọc) và lý thuyết (Lý thuyết dịch, Văn hóa văn minh) của 3 khoa. Việc so sánh chất lượng giảng dạy môn học sẽ góp phần giúp các khoa phát huy yếu tố có tác động tích cực và hạn chế các yếu tố có tác động tiêu cực đến chất lượng giảng dạy các môn học nói chung.

II. NỘI DUNG, PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

Nội dung nghiên cứu

Nghiên cứu này tập trung vào một số nội dung cơ bản sau: Thứ nhất, đánh giá chung về chất lượng giảng dạy các môn học của 3 khoa và so sánh chất lượng về tổ chức giảng dạy, giảng viên và hoạt động kiểm tra-đánh giá nói chung. Thứ hai, nghiên cứu đi sâu vào so sánh chất lượng giảng dạy của các môn học thực hành tiếng (nghe và đọc) và lý thuyết (Văn hóa văn minh). Thứ ba, nghiên cứu tìm hiểu sự tương tác qua lại giữa một số yếu tố liên quan đến kiểm tra-đánh giá tại 3 khoa và so sánh xem có sự khác nhau về nhận định của sinh viên 3 khoa đối với các nhóm yếu tố tạo nên chất lượng giảng dạy môn học hay không.

Phương pháp nghiên cứu

Chất lượng giảng dạy môn học được đo lường theo nhiều cách khác nhau. Trong nghiên cứu này, tác giả sử dụng hệ thống các tiêu chí đánh giá chất lượng môn học của Bộ Giáo dục và Đào tạo (Bộ GD&ĐT, 2016) và Hệ thống đảm bảo chất lượng của Mạng lưới các trường đại học ASEAN

(AUN-QA, 2016) và sử dụng phương pháp phân tích tần suất (frequency), phép so sánh độc lập (independent samples T-test), phân tích mối liên quan (association) và hồi quy nhị phân (binary logistic) giữa một số yếu tố đánh giá chất lượng giảng dạy môn học.

Các yếu tố ảnh hưởng đến chất lượng giảng dạy môn học

Trong nghiên cứu này, chất lượng giảng dạy môn học là tổng hợp của 3 nhóm yếu tố: tổ chức giảng dạy, giảng viên và kiểm tra đánh giá. Mỗi nhóm yếu tố bao gồm yếu tố thành phần và yếu tố tổng hợp. Tuy nhiên, chất lượng giảng dạy môn học được đánh giá tổng thể nhất thông qua việc môn học góp phần nâng cao kiến thức và kỹ năng nghề nghiệp cho sinh viên ở mức độ như thế nào.

Phương pháp chọn mẫu nghiên cứu và thu thập số liệu

Nghiên cứu này sử dụng phương pháp chọn mẫu có chủ đích. Toàn bộ sinh viên năm thứ 2 và thứ 3 của 3 Khoa tiếng Anh, tiếng Đức và tiếng Pháp được khảo sát trên lớp học thông qua phiếu điều tra, bao

gồm: thông tin về cá nhân sinh viên, các yếu tố tác động đến chất lượng giảng dạy môn học (đo theo thang Likert 4 mức độ) và ý kiến bổ sung (câu hỏi mở). Bảng 1 trình bày số lượng mẫu sử dụng trong nghiên cứu này.

Khoa	Năm học	Tổng số phiếu khảo sát	Số môn học
Tiếng Anh	Năm 2 và 3	746	6
Tiếng Đức	Năm 2 và 3	232	4
Tiếng Pháp	Năm 2 và 3	219	4

Bảng 1: Số lượng mẫu phân tích

Phương pháp xử lý phân tích số liệu

Nghiên cứu này chủ yếu áp dụng phương pháp phân tích định lượng, sử dụng phần mềm SPSS (Statistical Package for Social Sciences) phiên bản 20.0 cho áp dụng phân tích tần suất, so sánh, phân tích liên quan... Số liệu thu thập được làm sạch và chuyển đổi cho phù hợp với các phép phân tích khác nhau.

KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU

PHẦN 1: SO SÁNH CHẤT LƯỢNG GIẢNG DẠY MÔN HỌC GIỮA 3 KHOA

		Khoa Anh		Khoa Đức		Khoa Pháp		Độ lệch chuẩn	Độ tin cậy
		SL	TB	SL	TB	SL	TB		
Nhóm 1: Tổ chức giảng dạy môn học	A1. Phòng học đáp ứng các yêu cầu của môn học	746	2,99	232	3,05	219	3,01	0,82	0,94
	A2. Trang thiết bị phòng học đáp ứng các yêu cầu của môn học	746	2,92	230	2,89	219	2,92	0,82	0,94
	A3. Thời điểm thực hiện môn học hợp lý	741	3,19	231	2,79	219	2,99	0,78	0,94
	A4. Trong buổi học đầu tiên môn học, anh/chị được thông báo về nội dung và mục tiêu của môn học	747	3,53	232	3,37	217	3,35	0,62	0,94

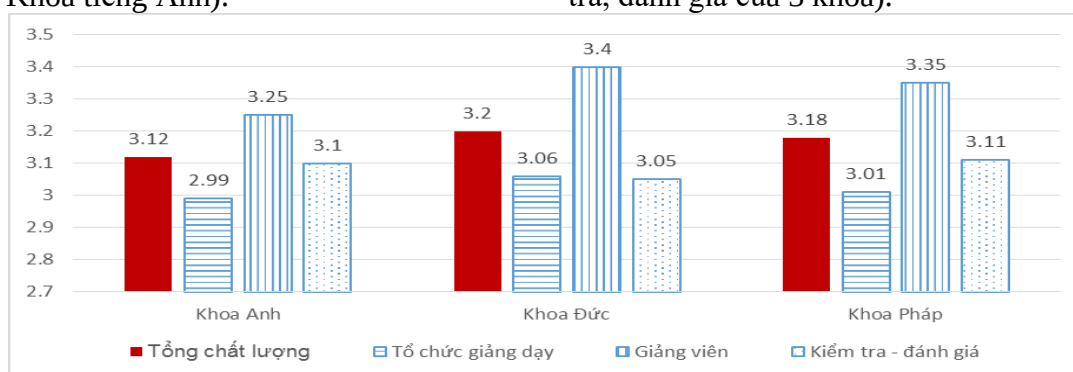
	A5. Nội dung của môn học phù hợp với mục tiêu của môn học	742	3,25	228	3,28	217	3,28	0,66	0,93
	A6. Thời lượng của môn học được phân bổ hợp lý giữa lý thuyết và thực hành	738	3,03	229	2,92	219	2,95	0,71	0,94
	A7. Giáo trình môn học phù hợp với mục tiêu môn học	742	2,83	229	3,21	218	3,14	0,75	0,94
	A8. Giáo trình môn học mang tính cập nhật	739	2,58	232	3,17	218	2,86	0,80	0,94
	A9. Tài liệu tham khảo phục vụ môn học phong phú	745	2,62	232	2,84	219	2,64	0,81	0,94
	A10. Môn học góp phần trang bị kiến thức đầy đủ cho anh/chị	747	3,03	230	3,08	219	3,09	0,69	0,93
	A11. Môn học trang bị kỹ năng nghề nghiệp cho anh/chị	747	2,90	228	3,05	218	2,92	0,76	0,94
Nhóm II: Hoạt động giảng dạy của giảng viên	B1. Giáo viên có kiến thức chuyên môn tốt	746	3,54	232	3,64	219	3,68	0,55	0,94
	B2. Giáo viên có phương pháp truyền đạt rõ ràng, dễ hiểu	746	3,30	232	3,45	219	3,32	0,71	0,94
	B3. Giáo viên luôn khuyến khích anh/chị độc lập trong tư duy	745	3,26	232	3,41	218	3,36	0,65	0,94
	B4. Giáo viên kết hợp nhiều phương pháp giảng dạy và các hoạt động khác nhau	745	3,04	230	3,25	219	3,05	0,77	0,94
	B5. Giáo viên có liên hệ giữa lý thuyết và thực tiễn	746	3,13	230	3,34	218	3,24	0,69	0,93
	B6. Giáo viên hướng dẫn và luyện tập cho anh/chị phương pháp liên hệ giữa các vấn đề trong môn học với thực tế	747	3,04	232		217	3,18	0,72	0,93
	B7. Giáo viên giúp anh/chị phát triển kỹ năng làm việc độc lập và theo nhóm	744	3,09	232	3,27	218	3,28	0,69	0,94
	B8. Giáo viên sử dụng tốt các thiết bị công nghệ để hỗ trợ cho việc giảng dạy	746	3,03	230	3,23	217	3,10	0,73	0,94
	B9. Giáo viên giải đáp đầy đủ thắc mắc của sinh viên	746	3,35	232	3,48	218	3,46	0,63	0,93
	B10. Giáo viên đảm bảo giờ lên lớp theo quy định	747	3,33	232	3,48	218	3,59	0,63	0,94
	B11. Giáo viên nhiệt tình giảng dạy môn học	745	3,43	232	3,53	218	3,52	0,62	0,93
	B12. Giáo viên giao tiếp với thái độ lịch sự	746	3,54	232	3,62	218	3,66	0,55	0,94
	B13. Anh/chị rất muốn tham gia vào các môn học khác do giáo viên này dạy	743	3,11	230	3,26	218	3,14	0,83	0,94

Nhóm III: Hoạt động kiểm tra, đánh giá	C1. Trong buổi học đầu tiên anh/chị có được thông báo về phương pháp kiểm tra, đánh giá của môn học	745	3,46	232	3,26	217	3,30	0,63	0,94
	C2. Phương pháp đánh giá trong quá trình học tập phù hợp đặc thù môn học	743	3,16	232	3,09	218	3,11	0,67	0,94
	C3. Kết quả đánh giá giúp anh chị tiến bộ trong quá trình học	742	2,96	231	2,91	218	3,03	0,69	0,94
	C4. Phương thức kiểm tra hết môn phù hợp đặc thù môn học	743	3,12	232	2,99	218	3,13	0,66	0,94
	C5. Kết quả kiểm tra được thông báo kịp thời cho anh/chị	742	2,85	232	3,16	218	3,00	0,80	0,94
	C6. Kết quả kiểm tra phản ánh tương đối chính xác khả năng của anh/chị	738	3,01	232	2,91	217	3,08	0,69	0,94
Tổng giá trị trung bình		3,12		3,20		3,18			

Bảng 2: Đánh giá chung về chất lượng đào tạo tại 3 khoa

Theo dữ liệu trình bày trong Bảng 2, chất lượng giảng dạy các môn học nói chung của 3 khoa là tương đối giống nhau với giá trị lần lượt của Khoa tiếng Anh, tiếng Đức và tiếng Pháp là 3,12; 3,20 và 3,18/4,0. Giá trị cao nhất (3,68/4,0) thuộc về Khoa tiếng Pháp liên quan đến kiến thức chuyên môn của giảng viên. Giá trị thấp nhất (2,58/4,0) liên quan đến tính cập nhật của giáo trình của khoa tiếng Anh. Trong Nhóm 1 (tổ chức giảng dạy) giá trị trung bình cao nhất (3,53) là dành cho yếu tố liên quan đến việc thông báo nội dung và mục tiêu môn học (A4 – Khoa tiếng Anh) và thấp nhất (2,58) là yếu tố liên quan đến tính cập nhật của giáo trình (A8 – Khoa tiếng Anh).

Trong nhóm 2 (giảng viên), giá trị cao nhất (3,68) thuộc về Khoa tiếng Pháp cho yếu tố liên quan đến kiến thức môn học của giảng viên (B1) và thấp nhất (3,03) liên quan đến khả năng sử dụng công nghệ trong giảng dạy (Khoa tiếng Anh). Trong nhóm 3 (kiểm tra, đánh giá), giá trị cao nhất dành cho yếu tố liên quan đến việc sinh viên được thông báo phương pháp kiểm tra đánh giá ngay từ buổi học đầu tiên (C1 – Khoa tiếng Anh) và thấp nhất (2,85) liên quan đến thời điểm thông báo kết quả thi cho sinh viên (C5 – Khoa tiếng Anh). Biểu 1 trình bày so sánh giá trị trung bình tổng và giá trị từng nhóm yếu tố (tổ chức giảng dạy, giảng viên và kiểm tra, đánh giá của 3 khoa).



Biểu 1: So sánh chất lượng giảng dạy môn học giữa 3 khoa

Dữ liệu trong Biểu 1 cho thấy chất lượng giảng dạy nói chung của 3 khoa tương đối giống nhau như trình bày ở trên. Đối với cả 3 khoa, chất lượng của giảng viên (kẻ sọc) có giá trị trung bình cao nhất trong số 3 nhóm yếu tố đánh giá với điểm cho khoa tiếng Anh, Đức, Pháp lần lượt là: 3,25; 3,40 và 3,35. Điểm cho nhóm các yếu tố về kiểm tra, đánh giá (dấu chấm nhỏ) của 3 khoa tương đối đồng đều với giá trị cho khoa tiếng Anh, Đức, Pháp lần lượt là 3,1; 3,05 và 3,11. Về tổ chức giảng dạy (kẻ ngang), Khoa tiếng Đức có giá trị điểm trung bình cao nhất (3,06), tiếp đến là Khoa tiếng Pháp (3,01) và cuối cùng là Khoa tiếng Anh (2,99).

Mối liên quan giữa các yếu tố đánh giá chất lượng

Như đã trình bày ở trên, nghiên cứu này dựa vào 3 nhóm yếu tố chính để đánh giá chất lượng môn học là: tổ chức giảng dạy, giảng viên và kiểm tra, đánh giá. Trong từng nhóm yếu tố bao gồm yếu tố thành phần và yếu tố tổng hợp. Ví dụ đối với chất lượng của giảng viên, yếu tố thành phần bao gồm kiến thức về môn học, kỹ năng truyền đạt, ý thức tuân thủ giờ dạy còn yếu tố tổng hợp là việc sinh viên muốn tham gia vào các môn học khác do giảng viên này dạy. Đối với nhóm kiểm tra, đánh giá, yếu tố thành phần là phương pháp, phương thức kiểm tra, đánh giá ...

và yếu tố tổng hợp là kết quả kiểm tra phản ánh tương đối chính xác năng lực của sinh viên. Yếu tố tổng hợp nhất đo lường chất lượng môn học là việc môn học góp phần tăng cường kiến thức và kỹ năng nghề nghiệp của sinh viên như thế nào.

Đối với nhóm yếu tố về kiểm tra-đánh giá, tác giả tiến hành phân tích tìm mối liên quan giữa một số yếu tố thành phần chính và yếu tố tổng hợp. Tác giả đã sử dụng phép phân tích mối liên quan (Crosstab) với kiểm định Chi Bình phương (χ^2) và phép phân tích hồi quy nhị phân (Binary Logistic) trong phần mềm SPSS áp dụng cho các biến như sau:

Biến độc lập:

- C1: Trong buổi học đầu tiên, sinh viên được thông báo về phương pháp kiểm tra, đánh giá
- C2: Phương pháp kiểm tra, đánh giá
- C3: Tác động của kiểm tra, đánh giá tới sự tiến bộ của sinh viên
- C4: Phương thức kiểm tra hết môn phù hợp đặc thù môn học

Biến phụ thuộc

- C6: Kết quả kiểm tra phản ánh chính xác khả năng của sinh viên

Giả thuyết ban đầu Ho: Không có liên quan giữa 4 biến độc lập (C1, C2, C3 và C4) với biến phụ thuộc (C6).

Biến độc lập		Kết quả kiểm tra phản ánh chính xác khả năng của sinh viên					Kết luận
		Không đồng ý	Đồng ý	Tổng	G.trị χ^2	Sig. (2 sided)	
C1	Không đồng ý	2,6%	3,4%	6,0%	34,560	0,000	Có liên quan
	Đồng ý	15,2%	78,8%	94,0%			
C2	Không đồng ý	6,2%	7,8%	13,9%	91,69	0,000	Có liên quan
	Đồng ý	11,6%	74,5%	86,1%			

C3	Không đồng ý	10,0%	11,0%	20,9%	193,31	0,000	Có liên quan
	Đồng ý	7,7%	71,4%	79,1%			
C4	Không đồng ý	7,0%	6,9%	13,9%	138,52	0,000	Có liên quan
	Đồng ý	10,8%	75,3%	86,1%			

Bảng 3: Kết quả phân tích liên quan và kiểm định Chi Bình phương giữa các biến

Kết quả kiểm tra dữ liệu cho thấy các biến C1, C2, C3, C4 và C6 đều thỏa mãn điều kiện để chạy phân tích phép toán kiểm định Chi Bình phương (không có đáp án nào có tần suất trả lời dưới 05) và hệ số Chi Bình phương (Sig) đều là 0,000 < 0,05, Dữ liệu trong bảng 3 cho thấy có thể bác bỏ giả thuyết Ho ban đầu và kết luận: Có mối liên quan giữa các yếu tố đưa vào phân tích (Hoàng Trọng và Chu Nguyễn Mộng Ngọc, 2008) (nên viết cả họ và tên), tức là có mối liên hệ giữa các yếu tố thành phần của hoạt động kiểm tra-đánh giá và biến tổng hợp là kết quả kiểm tra phản ánh chính xác khả năng của sinh viên.

Để xác định rõ hơn về mức độ và hướng tác động qua lại giữa các yếu tố trên, tác giả tiếp tục sử dụng phép phân tích hồi quy nhị phân (Binary logistic) với 04 biến độc lập (C1, C2, C3, C4) và 01

biến phụ thuộc (C6), Mô hình hồi quy có dạng như sau:

$$Y = \beta_0 + \beta_1 X_1 + \beta_2 X_2 + \beta_3 X_3 + \beta_4 X_4$$

- Y (C6): Kết quả kiểm tra phản ánh chính xác khả năng của sinh viên.
- β_0 : Hằng số từ phép toán phân tích nhị phân
- $\beta_1, \beta_2, \beta_3, \beta_4$: Hệ số hồi quy
- X1 (C1): Trong buổi học đầu tiên, sinh viên được thông báo về phương pháp kiểm tra, đánh giá
- X2 (C2): Phương pháp kiểm tra, đánh giá
- X3 (C3): Tác động của kiểm tra, đánh giá tới sự tiến bộ của sinh viên
- X4 (C4): Phương thức kiểm tra hết môn phù hợp đặc thù môn học.

Kết quả phân tích được thể hiện trong Bảng 4:

Biến phụ thuộc	C6: Kết quả kiểm tra phản ánh khả năng của sinh viên	Hệ số	Mức ý nghĩa (p)
Biến độc lập	Hằng số	5,705	0,000
	C1	0,695	0,026
	C2	0,382	0,096
	C3	1,689	0,000
	C4	1,327	0,000
Khả năng dự đoán chính xác của mô hình: 82,3%			

Bảng 4: Kết quả Phân tích hồi quy nhị phân (Binary Logistic)

Trong số 04 biến độc lập nêu trên, chỉ có 03 biến: C1 (trong buổi học đầu tiên, sinh viên được thông báo về phương pháp kiểm tra, đánh giá), C3 (tác động của kiểm tra, đánh giá tới sự tiến bộ của sinh viên) và C4 (phương thức kiểm tra hết môn phù hợp đặc thù môn học) là có ý nghĩa về mặt thống kê ($p < 0,05$). Điều thú vị là biến độc lập còn lại (C2: Phương pháp kiểm tra, đánh giá) mặc dù có mối liên quan với biến phụ thuộc (xem kết quả trong bảng 3), nhưng không có ảnh hưởng về mặt ý nghĩa thống kê ($p > 0,05$) đối với việc kết quả kiểm tra phản ánh chính xác năng lực của sinh viên.

Căn cứ theo Bảng 4, ta có thể xây dựng mô hình hồi quy với khả năng dự đoán chính xác của mô hình là 82,3% như sau:

$$Y = -5,71 + 0,70X_1 + 1,69X_3 + 1,33X_4$$

Tất cả các hệ số trong phương trình hồi quy trên đây đều mang dấu dương thể hiện các nhân tố nghiên cứu có ảnh hưởng cùng chiều đến hiệu quả của hoạt động kiểm tra hết môn học, có nghĩa là khi gia tăng bất kỳ nhân tố nào đều làm tăng khả năng kết quả môn học phản ánh chính xác khả năng của sinh viên. Qua phương trình hồi qui chúng ta thấy, việc gia tăng bất kỳ yếu tố nào liên quan đến hoạt động đánh giá thường xuyên giúp sinh viên tiến bộ trong quá trình học và cải tiến phương thức kiểm tra đều làm tăng việc kết quả kiểm tra phản ánh đúng khả năng của sinh viên. Kết quả kiểm tra chịu tác động nhiều nhất của nhân tố đánh giá thường xuyên trong quá trình học ($\beta_2 = 1,69$), sau đó là nhân tố C4, phương thức kiểm tra, đánh giá ($\beta_1 = 1,33$) và cuối cùng là việc cần thông báo cho sinh viên phương pháp kiểm tra-đánh

giá ngay từ buổi học đầu tiên ($\beta_1 = 0,70$). Kết quả phân tích cho thấy 3 khoa nên chú trọng vào việc tiến hành nhiều hơn nữa đánh giá thường xuyên trong quá trình học và cải tiến phương thức kiểm tra, đánh giá cho phù hợp hơn. Tuy nhiên, đây chỉ là kết quả phân tích chung cho tất cả các môn học. Cần tiến hành phân tích cho từng môn để có thể đưa ra khuyến nghị về phương pháp, cách thức tiến hành kiểm tra đánh giá cho các môn lý thuyết, thực hành của 3 khoa nói riêng và các khoa trong Trường nói chung.

Đối với nhóm yếu tố về chất lượng giảng viên, tác giả cũng tiến hành phân tích tìm mối liên quan giữa một số yếu tố thành phần chính và yếu tố tổng hợp, sử dụng phép phân tích mối liên quan (Crosstab) với kiểm định Chi Bình phương (χ^2) và phép phân tích hồi quy nhị phân (Binary Logistic). Mặc dù đây không phải là phép tính tối ưu vì việc đánh giá này nên được thực hiện đối với từng giảng viên. Tuy nhiên, đánh giá tổng thể cũng có một số ý nghĩa thống kê nhất định đối với 3 khoa nói chung. Các biến đưa vào phân tích bao gồm:

Biến độc lập:

- B1. Giáo viên có kiến thức chuyên môn tốt
- B2. Giáo viên có phương pháp truyền đạt rõ ràng, dễ hiểu
- B3. Giáo viên luôn khuyến khích sinh viên độc lập trong tư duy
- B4. Giáo viên kết hợp nhiều phương pháp giảng dạy và các hoạt động khác nhau
- B5. Giáo viên có liên hệ giữa lý thuyết và thực tiễn

B6. Giáo viên hướng dẫn và luyện tập cho sinh viên phương pháp liên hệ giữa các vấn đề trong môn học với thực tế

B7. Giáo viên giúp sinh viên phát triển kỹ năng làm việc độc lập và theo nhóm

B8. Giáo viên sử dụng tốt các thiết bị công nghệ để hỗ trợ cho việc giảng dạy

B9. Giáo viên giải đáp đầy đủ thắc mắc của sinh viên

B10. Giáo viên đảm bảo giờ lên lớp theo quy định

B11. Giáo viên nhiệt tình giảng dạy môn học

B12. Giáo viên giao tiếp với thái độ lịch sự

Biến phụ thuộc

B13. Sinh viên rất muốn tham gia vào các môn học khác do giáo viên này dạy

Giả thuyết ban đầu Ho: Không có liên quan giữa các biến độc lập (B1-B12) với biến phụ thuộc (B13). Bảng 5 trình bày kết quả phân tích liên quan giữa các biến.

Biến độc lập		Sinh viên muốn tham gia vào các môn học khác do giáo viên dạy					Kết luận
		Không đồng ý	Đồng ý	Tổng	G, trị χ^2	Sig. (2 sided)	
B1	Không đồng ý	1,4%	0,9%	2,4%	30,59	0,000	Có liên quan
	Đồng ý	18,2%	79,4%	97,6%			
B2	Không đồng ý	8,3%	3,1%	11,4%	274,39	0,000	Có liên quan
	Đồng ý	11,3%	77,2%	88,6%			
B3	Không đồng ý	5,1%	3,9%	8,9%	101,01	0,000	Có liên quan
	Đồng ý	14,6%	76,5%	91,1%			
B4	Không đồng ý	12,0%	10,4%	22,4%	249,97	0,000	Có liên quan
	Đồng ý	7,6%	70,0%	77,6%			
B5	Không đồng ý	7,8%	6,4%	14,2%	159,29	0,000	Có liên quan
	Đồng ý	11,6%	74,2%	85,8%			
B6	Không đồng ý	9,6%	9,4%	19,0%	168,76	0,000	Có liên quan
	Đồng ý	10,0%	71,0%	81,0%			
B7	Không đồng ý	6,2%	8,6%	14,8%	65,24	0,000	Có liên quan
	Đồng ý	13,5%	71,7%	85,2%			
B8	Không đồng ý	7,4%	11,7%	19,1%	64,38	0,000	Có liên quan
	Đồng ý	12,3%	68,6%	80,9%			
B9	Không đồng ý	4,2%	2,1%	6,3%	111,94	0,000	Có liên quan
	Đồng ý	15,5%	78,2%	93,7%			
B10	Không đồng ý	2,9%	3,0%	6,0%	42,04	0,000	Có liên quan
	Đồng ý	16,7%	77,3%	94,0%			
B11	Không đồng ý	3,4%	1,9%	5,3%	81,35	0,000	Có liên quan
	Đồng ý	16,2%	78,5%	94,7%			
B12	Không đồng ý	1,3%	0,8%	2,1%	32,00	0,000	Có liên quan
	Đồng ý	18,2%	79,7%	97,9%			

Bảng 5: Kết quả phân tích liên quan và kiểm định Chi Bình phương giữa các biến về giảng viên

Kết quả kiểm tra dữ liệu cho thấy các biến đều thỏa mãn điều kiện để chạy phép kiểm định Chi Bình phương (không có đáp án nào có tần suất trả lời dưới 05) và hệ số Chi Bình phương (Sig) đều là $0,000 < 0,05$, Dữ liệu trong bảng 3 cho thấy có thể bác bỏ giả thuyết H_0 ban đầu và kết luận: Có mối liên quan giữa các yếu tố đưa vào phân tích (Trọng & Ngọc, 2008), tức là có mối liên hệ giữa các yếu tố thành phần của hoạt động giảng dạy của giảng viên (kiến thức, phương pháp, thái độ ...) với biến tổng hợp: sinh viên rất muốn học các môn học khác do giảng viên này dạy.

Để xác định rõ hơn về mức độ và hướng tác động qua lại giữa các yếu tố trên, tác giả tiếp tục sử dụng phép phân tích hồi quy nhị phân (Binary logistic) với 12 biến độc lập (B1-B12) và 01 biến phụ

thuộc (B13), Mô hình hồi quy có dạng như sau:

$$Y = \beta_0 + \beta_1 X_1 + \beta_2 X_2 + \beta_3 X_3 + \beta_4 X_4 + \beta_5 X_5 + \beta_6 X_6 + \beta_7 X_7 + \beta_8 X_8 + \beta_9 X_9 + \beta_{10} X_{10} + \beta_{11} X_{11} + \beta_{12} X_{12}$$

Trong đó

- Y(B13): Sinh viên muốn học các môn khác do giảng viên này dạy.
- β_0 : Hằng số từ phép toán phân tích nhị phân
- β_1 - β_{12} : Hệ số hồi quy
- $X_1 - X_{12}$: Các yếu tố thành phần đo lường chất lượng giảng dạy của giảng viên.

Kết quả phân tích được thể hiện trong Bảng 6:

Biến phụ thuộc: Sinh viên muốn học các môn khác do giảng viên này dạy (B13)		Hệ số	Mức ý nghĩa (p)
Biến độc lập	Hằng số	-10,365	0,000
	B1	-0,268	0,645
	B2	1,832	0,000
	B3	0,526	0,067
	B4	1,367	0,000
	B5	0,744	0,002
	B6	0,697	0,002
	B7	0,031	0,899
	B8	0,275	0,224
	B9	1,396	0,000
	B10	-0,488	0,198
	B11	0,145	0,711
	B12	0,317	0,623
Khả năng dự đoán chính xác của mô hình: 86,6%			

Bảng 6: Kết quả phân tích hồi quy nhị phân (Binary Logistic)

Trong số 12 biến độc lập nêu trên, có 07 biến (B1, B3, B7, B8, B10, B11 và B12), mặc dù có mối liên quan với biến phụ thuộc (xem kết quả trong bảng 3), nhưng không có ảnh hưởng về mặt ý nghĩa thống kê ($p > 0,05$) đối với việc sinh viên muốn học tiếp các môn khác do giảng viên này dạy. Các biến có ý nghĩa về mặt thống kê và đưa vào phân tích tiếp theo bao gồm:

B2. Giáo viên có phương pháp truyền đạt rõ ràng, dễ hiểu

B4. Giáo viên kết hợp nhiều phương pháp giảng dạy và các hoạt động khác nhau

B5. Giáo viên có liên hệ giữa lý thuyết và thực tiễn

B6. Giáo viên hướng dẫn và luyện tập cho sinh viên phương pháp liên hệ giữa các vấn đề trong môn học với thực tế

B9. Giáo viên giải đáp đầy đủ thắc mắc của sinh viên

Căn cứ theo Bảng 6, ta có thể xây dựng mô hình hồi quy với khả năng dự đoán chính xác của mô hình là 86,6% như sau:

$$Y = 10,37 + 1,83X_2 + 1,37X_4 + 0,74X_5 + 0,70X_6 + 1,40X_9$$

Tất cả các hệ số trong phương trình hồi quy trên đây đều mang dấu dương thể hiện các nhân tố nghiên cứu có ảnh hưởng cùng chiều đến biến phụ thuộc, có nghĩa là khi gia tăng bất kỳ nhân tố nào đều làm tăng việc sinh viên muốn được học các môn khác do giảng viên này dạy. Qua phương trình hồi qui chúng ta thấy, khi gia tăng bất kỳ yếu tố nào liên quan đến phương pháp truyền đạt, sự kết hợp nhiều phương pháp giảng dạy và hoạt động khác nhau, có sự liên hệ giữa lý thuyết và thực

hành... đều làm tăng mong muốn của sinh viên được học các môn khác do giảng viên này dạy. Yếu tố tổng hợp này chịu tác động của các yếu tố thành phần theo thứ tự như sau:

1: phương pháp truyền đạt ($\beta_2 = 1,83$),

2: giải đáp thắc mắc của sinh viên ($\beta_9 = 1,40$),

3: sự kết hợp nhiều phương pháp giảng dạy và hoạt động khác nhau ($\beta_4 = 1,37$),

4: sự liên hệ giữa lý thuyết và thực hành ($\beta_5 = 0,74$), và

5: hướng dẫn và luyện tập cho sinh viên phương pháp liên hệ giữa các vấn đề trong môn học với thực tế ($\beta_6 = 0,70$).

Trên đây là những kết quả rất thú vị cần được nghiên cứu sâu hơn. Tuy nhiên, như đã trình bày ở trên, đây là kết quả tổng hợp chung cho toàn bộ các giáo viên của cả 3 khoa được sinh viên đánh giá trong lần khảo sát này. Để có nhận xét chính xác hơn, cần tiến hành phân tích đối với từng giáo viên cụ thể và cho từng môn học cụ thể.

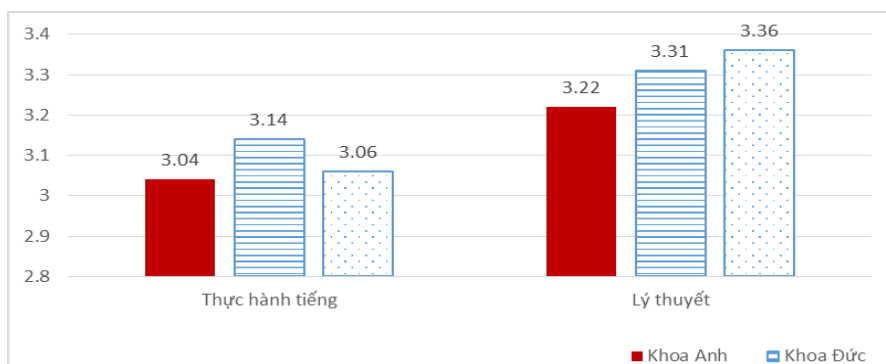
So sánh chất lượng dạy các môn thực hành tiếng và lý thuyết

So sánh chất lượng chung

Trong thời gian tiến hành khảo sát, sinh viên năm thứ 2 của 3 khoa đang học các môn thực hành tiếng. Nhóm khảo sát đã thu thập ý kiến của sinh viên Khoa tiếng Anh đối với cả 4 kỹ năng; sinh viên Khoa tiếng Pháp và Khoa tiếng Đức cho 2 kỹ năng đọc và nghe. Để có sự đồng đều trong việc so sánh chất lượng giảng dạy các môn học, tác giả đã sử dụng kết quả phân tích đối với 2 môn thực hành tiếng

được dạy ở cả 3 khoa là đọc và nghe. Đối với các môn lý thuyết, Khoa tiếng Anh và Khoa tiếng Đức đều tổ chức dạy môn Lý thuyết dịch và Văn hóa văn minh; Khoa

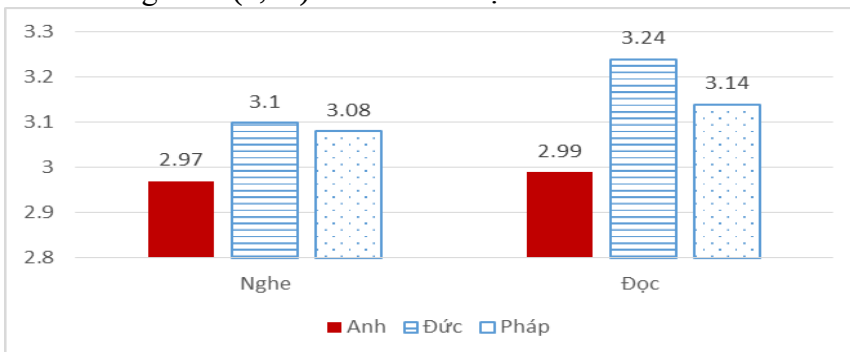
tiếng Pháp tổ chức dạy môn Văn hóa văn minh và Ngữ âm. Biểu 2 trình bày kết quả so sánh chất lượng chung giữa 3 khoa đối với việc giảng dạy 2 nhóm môn học này.



Biểu 2: So sánh chất lượng dạy môn thực hành tiếng và lý thuyết

Dữ liệu trong Biểu 2 cho thấy chất lượng giảng dạy của các môn lý thuyết cao hơn so với các môn thực hành tiếng. Đối với các môn lý thuyết, Khoa tiếng Pháp có giá trị trung bình cao nhất (3,36), tiếp đến là Khoa tiếng Đức (3,31) và cuối

cùng là Khoa tiếng Anh (3,22). Đối với các môn thực hành tiếng, giá trị trung bình cho các khoa tiếng Anh, Đức, Pháp lần lượt là 3,04; 3,14 và 3,06. Biểu 3 trình bày chi tiết giá trị trung bình cho các môn học được so sánh.



Biểu 3: So sánh chất lượng dạy môn nghe và đọc

Dữ liệu trong Biểu 3 cho thấy có sự khác nhau, dù không lớn, về giá trị trung bình cho 2 môn thực hành tiếng (nghe và đọc) của 3 khoa. Giá trị của Khoa tiếng Đức cao nhất (3,1 cho môn Nghe hiểu và 3,24 cho môn Đọc hiểu, tiếp đến Khoa tiếng Pháp (với giá trị tương ứng là 3,08 và 3,14) và cuối cùng là Khoa tiếng Anh (giá trị tương ứng là 2,97 và 2,77). Tuy nhiên, sự chênh lệch về giá trị là tương đối

thấp, chỉ từ 0,07 đến 0,23. Chất lượng giảng dạy môn Đọc hiểu cũng cao hơn so với môn Nghe hiểu. Kết quả trên cũng khẳng định phân tích ở phần đầu của bài viết, cho thấy chất 3 khoa tương đối đồng đều về lượng giảng dạy các môn học nói chung (tổng hợp của 3 nhóm yếu tố: tổ chức giảng dạy, giảng viên và kiểm tra-đánh giá).

Tuy nhiên, mức độ chính xác của kết quả phân tích trên cần được kiểm chứng với các phép phân tích sâu hơn vì sinh viên các khoa có thể có những nhận định khác nhau về kiến thức, phương pháp truyền đạt của giảng viên hoặc cách thức khoa tiến hành kiểm tra, đánh giá... Chất lượng giảng dạy một môn học có thể được đánh giá tổng hợp nhất thông qua việc môn học góp phần tăng cường kiến thức và kỹ năng cho sinh viên. Để tìm hiểu xem có sự khác nhau trong nhận định của sinh

viên từng cặp khoa hay không, tác giả sử dụng phép kiểm định T-test. Giả thiết ban đầu (H_0) là không có sự khác nhau trong nhận định của sinh viên Khoa tiếng Anh và Khoa tiếng Đức đối với 2 tiêu chí đánh giá chính là:

a. Môn học góp phần trang bị kiến thức đầy đủ cho sinh viên

b. Môn học trang bị kỹ năng nghề nghiệp cho sinh viên

Bảng 7 trình bày kết quả phân tích:

	Khoa/Bộ môn	Levene's Sig	Số lượng (N)	Trung bình (MD)	Độ lệch chuẩn (SD)	t	df	Sig (2-tailed)	Kết luận
Môn học góp phần trang bị kiến thức đầy đủ cho anh/chị	Anh	0,002	187	2,88	0,712	-1,040	329	0,299	Không khác nhau
	Đức		144	2,95	0,546				
Môn học trang bị kỹ năng nghề nghiệp cho anh/chị	Anh	0,008	187	2,74	0,755	-2,326	328	0,021	Có khác nhau
	Đức		143	2,92	0,662				

Bảng 7: Kết quả so sánh chất lượng môn học Khoa tiếng Anh và tiếng Đức

Dữ liệu trong Bảng 7 cho thấy không có sự khác nhau trong nhận định của sinh viên 2 khoa tiếng Anh ($MD = 2,88$, $SD = 0,71$) và Khoa tiếng Đức ($MD = 2,95$, $SD = 0,55$) về việc môn học góp phần nâng cao kiến thức cho sinh viên: $t(331) = 1,04$, $p = 0,299$. Tuy nhiên, có sự khác biệt trong nhận định của sinh viên 2 khoa khoa tiếng Anh ($MD = 2,74$, $SD = 0,76$) và Khoa tiếng Đức ($MD = 2,92$, $SD = 0,66$) về việc môn học góp phần nâng cao kỹ năng nghề nghiệp cho sinh viên: $t(330) = 2,33$, $p = 0,021$. Đây là những kết quả rất thú vị,

cần được nghiên cứu sâu hơn. Ví dụ cần tiến hành phỏng vấn sinh viên hai khoa về việc giảng viên dạy các môn thực hành tiếng kết hợp kỹ năng nghề nghiệp trong việc dạy môn thực hành tiếng (nghe và đọc) như thế nào.

Tác giả cũng sử dụng phép kiểm định t-test để so sánh nhận định của sinh viên Khoa tiếng Pháp và Khoa tiếng Đức về 2 yếu tố nêu trên với giả thiết ban đầu (H_0) là không có sự khác nhau trong nhận định của sinh viên 2 khoa đối với 2 tiêu chí đánh giá. Bảng 8 trình bày kết quả phân tích.

	Khoa/Bộ môn	Levene's Sig	Số lượng (N)	Trung bình (MD)	Độ lệch chuẩn (SD)	t	df	Sig (2-tailed)	Kết luận
Môn học góp phần trang bị kiến thức đầy đủ cho anh/chị	Pháp	0,049	135	2,92	0,647	-0,460	277	0,646	Không khác nhau
	Đức		144	2,95	0,546				
Môn học trang bị kỹ năng nghề nghiệp cho anh/chị	Pháp	0,020	135	2,84	0,771	-0,914	276	0,362	Không khác nhau
	Đức		143	2,92	0,662				

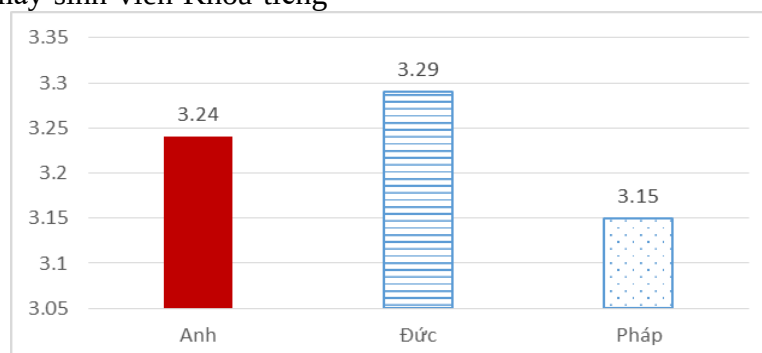
Bảng 8: Kết quả so sánh chất lượng môn học Khoa tiếng Pháp và tiếng Đức

Dữ liệu trong Bảng 8 cho thấy không có sự khác nhau trong nhận định của sinh viên 2 khoa tiếng Pháp (MD = 2,92, SD = 0,65) và Khoa tiếng Đức (MD = 2,95, SD = 0,55) về việc môn học góp phần nâng cao kiến thức cho sinh viên: $t(279) = 0,46$, $p=0,65$. Tương tự như vậy, không có sự khác nhau trong nhận định của sinh viên 2 khoa về việc môn học góp phần trang bị kỹ năng nghề nghiệp cho sinh viên: Khoa Pháp (MD = 2,84, SD = 0,77) và Khoa tiếng Đức (MD = 2,92, SD = 0,66): $t(330) = 2,33$, $p=0,36$. Kết quả phân tích trên dường như cho thấy sinh viên Khoa tiếng

Anh có nhận định khác so với sinh viên Khoa tiếng Đức và Khoa tiếng Pháp về việc môn nghe và đọc góp phần trang bị kỹ năng nghề nghiệp cho các em.

So sánh chất lượng giảng dạy môn Văn hóa văn minh

Trong thời gian khảo sát, đối với các môn lý thuyết, cả 3 khoa đều đang tổ chức giảng dạy môn học Văn hóa văn minh/Đất nước học. Biểu 4 trình bày kết quả so sánh chất lượng chung giữa 3 khoa đối với việc giảng dạy môn này.



Biểu 4: So sánh chất lượng dạy môn Văn hóa văn minh của 3 khoa

Dữ liệu trong Biểu 4 cho thấy chất lượng giảng dạy Môn Văn hóa văn minh của 3 khoa là rất cao với giá trị trung bình là từ 3,15 đến 3,29/4,0. Khoa tiếng Đức có giá trị trung bình cho môn học này là cao nhất (3,29), tiếp đến là Khoa tiếng Anh

(3,24) và cuối cùng là Khoa tiếng Pháp (3,15). Tuy nhiên, có thể thấy là sự khác nhau về giá trị trung của 3 khoa là không lớn, chỉ là 0,05 giữa Khoa tiếng Đức và tiếng Anh và 0,09 giữa Khoa tiếng Anh và tiếng Pháp.

Cũng như trong phần so sánh chất lượng giảng dạy môn Đọc hiểu và Nghe hiểu ở trên, tác giả tiến hành so sánh sâu hơn giữa các cặp khoa (Anh-Đức) và (Pháp-Đức) và tìm hiểu xem có sự khác nhau về nhận thức của sinh viên về chất lượng giảng dạy của môn này trong 2 khía cạnh:

a. Môn học góp phần trang bị kiến thức đầy đủ cho sinh viên

	Khoa/Bộ môn	Levene's Sig	Số lượng (N)	Trung bình (MD)	Độ lệch chuẩn (SD)	t	df	Sig (2-tailed)	Kết luận
Môn học góp phần trang bị kiến thức đầy đủ cho anh/chị	Anh	.899	186	3,14	0,617	-1,798	72,858	0,076	Không khác nhau
	Đức		43	3,30	0,513				
Môn học trang bị kỹ năng nghề nghiệp cho anh/chị	Anh	.189	186	2,81	0,775	-3,270	71,008	0,002	Có khác nhau
	Đức		43	3,19	0,664				

Bảng 9: Kết quả so sánh chất lượng môn VHVM Khoa tiếng Anh và tiếng Đức

Bảng 9 trình bày kết quả sử dụng phép kiểm định T-test để so sánh nhận định của sinh viên về chất lượng giảng dạy giữa Khoa tiếng Anh và Khoa tiếng Đức đối với môn Văn hóa văn minh. Dữ liệu trong bảng cho thấy không có sự khác nhau trong nhận định của sinh viên Khoa tiếng Anh (MD = 3,14, SD = 0,62) và Khoa tiếng Đức (MD = 3,30, SD = 0,51) về việc môn học góp phần nâng cao kiến thức cho sinh viên: $t(229) = 1,80$, $p=0,076$. Tuy nhiên, có sự khác biệt trong nhận định của sinh viên 2 khoa: Khoa tiếng Anh (MD = 2,81, SD = 0,76) và Khoa tiếng Đức (MD = 3,19, SD = 0,66) về việc môn học góp

b. Môn học trang bị kỹ năng nghề nghiệp cho sinh viên

Giả thiết ban đầu (H0) là không có sự khác nhau trong nhận định của sinh viên Khoa tiếng Anh và Khoa tiếng Đức đối với 2 tiêu chí đánh giá chính nêu trên. Bảng 9 trình bày kết quả phân tích.

phần nâng cao kỹ năng nghề nghiệp cho sinh viên: $t(229) = 3,27$, $p=0,002$. Đây là những kết quả rất thú vị, cần được nghiên cứu sâu hơn. Ví dụ cần tiến hành phỏng vấn sinh viên hai khoa xem nhận định của họ về sự đóng góp của môn học này đối với kiến thức và kỹ năng nghề nghiệp của sinh viên.

Tác giả cũng sử dụng phép kiểm định T-test để so sánh nhận định của sinh viên Khoa tiếng Pháp và Khoa tiếng Đức về 2 yếu tố nêu trên với giả thiết ban đầu (H0) là không có sự khác nhau trong nhận định của sinh viên 2 khoa đối với 2 tiêu chí đánh giá. Bảng 10 trình bày kết quả phân tích.

	Khoa/Bộ môn	Levene's Sig	Số lượng (N)	Trung bình (MD)	Độ lệch chuẩn (SD)	t	df	Sig (2-tailed)	Kết luận
Môn học góp phần trang bị kiến thức đầy đủ cho anh/chị	Pháp	0,017	41	3,17	0,803	-,899	82	0,371	Không khác nhau
	Đức		43	3,30	0,513				
Môn học trang bị kỹ năng nghề nghiệp cho anh/chị	Pháp	0,454	40	2,93	0,829	-1,577	74,739	0,119	Không khác nhau
	Đức		43	3,19	0,664				

Bảng 10: Kết quả so sánh chất lượng môn VHVM Khoa tiếng Pháp và tiếng Đức

Dữ liệu trong Bảng 10 cho thấy không có sự khác nhau về mặt thống kê trong nhận định của sinh viên Khoa tiếng Pháp (MD = 3,17, SD = 0,80) và Khoa tiếng Đức (MD = 3,30, SD = 0,51) về việc môn học góp phần nâng cao kiến thức cho sinh viên: $t(84) = 0,90, p=0,37$. Tương tự như vậy, không có sự khác nhau trong nhận định của sinh viên 2 khoa về việc môn học góp phần trang bị kỹ năng nghề nghiệp cho sinh viên: Khoa tiếng Pháp (MD = 2,93, SD = 0,83) và Khoa tiếng Đức (MD = 3,19, SD = 0,66): $t(83) = 1,58, p=0,12$. Kết quả phân tích trên dường như cho thấy sinh viên Khoa tiếng Anh có nhận định khác so với sinh viên Khoa tiếng Đức và tiếng Pháp về việc môn học Văn hóa

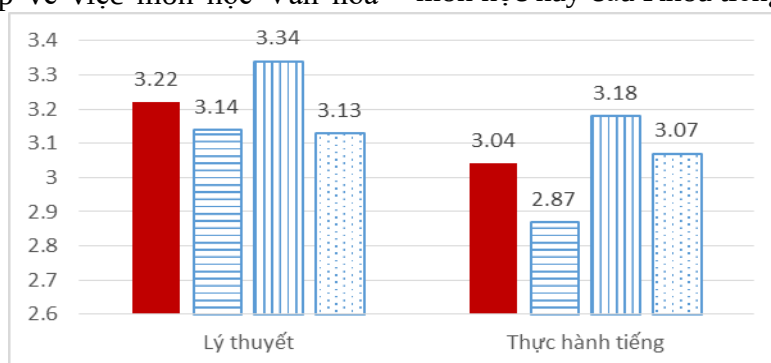
văn minh góp phần trang bị kỹ năng nghề nghiệp cho các em. Kết quả này cũng giống như phân tích so sánh cho môn đọc và môn nghe ở trên.

PHẦN 2: SO SÁNH CHẤT LƯỢNG GIẢNG DẠY TRONG MỘT KHOA

Khoa tiếng Anh

Chất lượng giảng dạy các môn thực hành tiếng và lý thuyết

Trong thời gian khảo sát, Khoa tiếng Anh đang tổ chức giảng dạy các môn thực hành tiếng (nghe, nói, đọc, viết) cho sinh viên năm thứ 2 và các môn Lý thuyết dịch và Văn hóa văn minh/Đất nước học. Biểu 5 so sánh chất lượng giảng dạy 2 khối môn học này của Khoa tiếng Anh.



Biểu 5: So sánh chất lượng giảng dạy các môn lý thuyết và thực hành Khoa tiếng Anh

Dữ liệu trong Biểu 5 cho thấy chất lượng giảng dạy các môn lý thuyết của Khoa tiếng Anh cao hơn so với chất lượng giảng dạy các môn thực hành tiếng. Giá trị trung bình chung cho các môn lý thuyết là 3,22 so với 3,04 của các môn thực hành tiếng. So sánh giá trị các thành phần cho thấy kết quả tương tự: Tổ chức giảng dạy (cột kẻ ngang: 3,14 so với 2,87), giảng viên (cột kẻ dọc: 3,34 so với 3,18) và kiểm tra-đánh giá (cột chấm nhỏ: 3,13 so với 3,07). Dữ liệu trong Biểu 5 cũng cho thấy là đối với môn lý thuyết, điểm đánh giá cho giáo viên là cao nhất (3,34), còn

điểm cho công tác tổ chức môn học và kiểm tra đánh giá gần như bằng nhau (3,14 so với 3,13). Tương tự như vậy, đối với các môn thực hành tiếng, sinh viên đánh giá cao nhất chất lượng của giảng viên, tiếp đến là công tác kiểm tra-đánh giá (3,07) và cuối cùng là việc tổ chức giảng dạy môn học (2,87).

Nhằm tìm hiểu xem có sự khác nhau giữa sinh viên học các môn thực hành tiếng (năm 2) và lý thuyết (năm 3) trong việc đánh giá chất lượng môn học nói chung hay không, tác giả sử dụng phép

kiểm định T-test với giả định ban đầu (H_0) là không có sự khác nhau trong nhận định của sinh năm 2 và năm 3 về chất lượng giảng dạy môn học. Chất lượng giảng dạy các môn học được đo lường theo 2 tiêu chí là:

- Môn học góp phần trang bị kiến thức đầy đủ cho sinh viên
- Môn học trang bị kỹ năng nghề nghiệp cho sinh viên

Bảng 11 trình bày kết quả phân tích.

	Môn học	Levene's Sig	Số lượng (N)	Trung bình (MD)	Độ lệch chuẩn (SD)	t	df	Sig (2-tailed)	Kết luận
Môn học góp phần trang bị kiến thức đầy đủ cho anh/chị	THT	0,565	429	2,94	0,740	-4,166	729,612	0,000	Có khác nhau
	Lý thuyết		318	3,15	0,634				
Môn học trang bị kỹ năng nghề nghiệp cho anh/chị	THT	0,012	429	2,83	0,787	-3,054	702,421	0,002	Có khác nhau
	Lý thuyết		318	3,00	0,745				

Bảng 11: Kết quả so sánh chất lượng môn học lý thuyết và thực hành của Khoa tiếng Anh

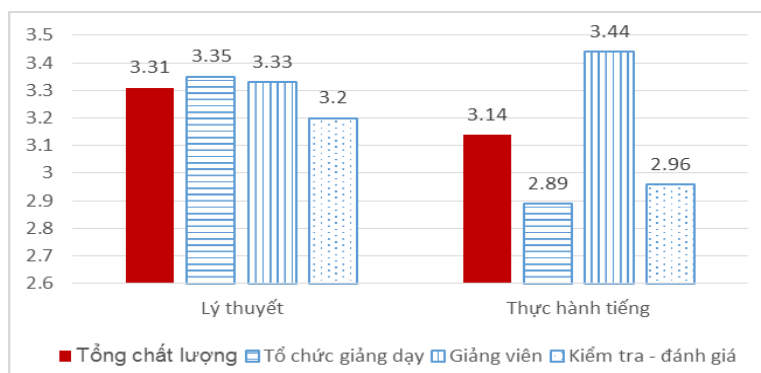
Dữ liệu trong Bảng 11 cho thấy có sự khác nhau trong nhận định của sinh viên học thực hành tiếng (MD = 2,94, SD = 0,74) và sinh viên học các môn lý thuyết (MD = 3,15, SD = 0,63) về việc môn học góp phần nâng cao kiến thức cho sinh viên: $t(747) = 4,17$, $p=0,00$. Tương tự như vậy, có sự khác biệt trong nhận định của sinh viên học THT (MD = 2,83, SD = 0,79) và lý thuyết (MD = 3,00, SD = 0,75) về việc các môn học góp phần nâng cao kỹ năng nghề nghiệp cho sinh viên: $t(747) = 4,05$, $p=0,002$. Đây là những kết quả rất thú vị, cần được nghiên cứu sâu hơn và cụ thể cho từng môn học. Ngoài ra, có thể phỏng vấn chi tiết hơn để hiểu rõ làm thế nào các môn học có thể góp phần

tăng cường hơn nữa kiến thức và kỹ năng nghề nghiệp cho sinh viên.

Khoa tiếng Đức

Chất lượng giảng dạy các môn thực hành tiếng và lý thuyết

Trong thời gian khảo sát, Khoa tiếng Đức đang tổ chức giảng dạy các môn thực hành tiếng (nghe, nói, đọc, viết) cho sinh viên năm thứ 2 và các môn Lý thuyết dịch và Đất nước học. Tuy nhiên, do số lượng sinh viên ít nên nhóm nghiên cứu chỉ thu thập số liệu về chất lượng giảng dạy 2 môn thực hành tiếng của Khoa tiếng Đức là môn đọc và môn nghe. Biểu 6 so sánh chất lượng giảng dạy 2 khối môn học này của Khoa.



Biểu 6: So sánh chất lượng giảng dạy các môn lý thuyết và thực hành Khoa tiếng Đức

Dữ liệu trong Biểu 6 cho thấy chất lượng giảng dạy các môn lý thuyết của Khoa tiếng Đức cao hơn so với chất lượng giảng dạy các môn thực hành tiếng. Giá trị trung bình chung cho các môn lý thuyết là 3,31 so với 3,14 của các môn thực hành tiếng. So sánh giá trị các thành phần cho thấy kết quả gần tương tự: Tổ chức giảng dạy (cột kẻ ngang: 3,35 so với 2,89), và kiểm tra-đánh giá (cột chấm nhỏ: 3,20 so với 2,96). Tuy nhiên, chất lượng giảng viên dạy thực hành tiếng lại cao hơn so với giảng viên dạy lý thuyết (3,44 so với 3,33). Dữ liệu trong Biểu 6 cũng cho thấy là đối với môn lý thuyết, điểm đánh giá các thành phần tương đối giống nhau, với độ chênh lệch lớn nhất chỉ là 0,15. Tuy nhiên, đối với 2 môn thực hành tiếng được khảo sát, có sự chênh lệch tương đối lớn giữa các thành phần với điểm trung bình cao nhất dành cho giảng viên (3,44), tiếp

đến là công tác kiểm tra, đánh giá (2,96) và cuối cùng là việc tổ chức giảng dạy môn học (2,89).

Nhằm tìm hiểu xem có sự khác nhau giữa sinh viên học các môn thực hành tiếng (năm 2) và lý thuyết (năm 3) trong việc đánh giá chất lượng môn học nói chung hay không, tác giả sử dụng phép kiểm định T-test với giả định ban đầu (H_0) là không có sự khác nhau trong nhận định của sinh năm 2 và năm 3 về chất lượng giảng dạy môn học. Chất lượng giảng dạy các môn học được đo lường theo 2 tiêu chí là:

- Môn học góp phần trang bị kiến thức đầy đủ cho sinh viên
- Môn học trang bị kỹ năng nghề nghiệp cho sinh viên

Bảng 12 trình bày kết quả phân tích.

Nội dung	Môn học	Levene's Sig	Số lượng (N)	Trung bình (MD)	Độ lệch chuẩn (SD)	t	df	Sig (2-tailed)	Kết luận
Môn học góp phần trang bị kiến thức đầy đủ cho anh/chị	THT	0,000	144	2,95	0,546	-4,301	228	0,000	Có khác nhau
	Lý thuyết		86	3,29	0,630				
Môn học trang bị kỹ năng nghề nghiệp cho anh/chị	THT	0,045	143	2,92	0,662	-3,797	226	0,000	Có khác nhau
	Lý thuyết		85	3,27	0,679				

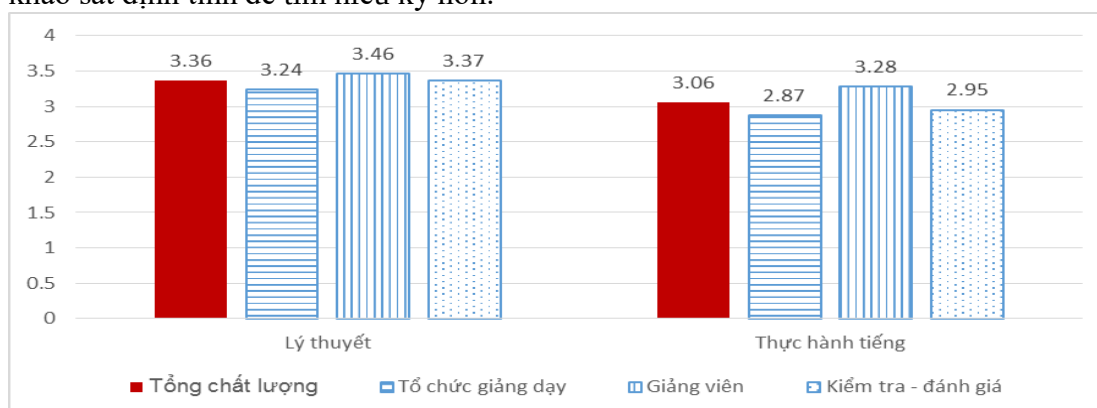
Bảng 12: Kết quả so sánh chất lượng môn học lý thuyết và thực hành của Khoa tiếng Đức

Dữ liệu trong Bảng 12 cho thấy có sự khác nhau trong nhận định của sinh viên học THT (MD = 2,96, SD = 0,55) và sinh viên học các môn lý thuyết (MD = 3,29, SD = 0,63) về việc môn học góp phần nâng cao kiến thức cho sinh viên: $t(230) = 4,30, p=0,00$. Tương tự như vậy, có sự khác biệt trong nhận định của sinh viên học THT (MD = 2,92, SD = 0,66) và các môn lý thuyết (MD = 3,27, SD = 0,68) về việc các môn học góp phần nâng cao kỹ năng nghề nghiệp cho sinh viên: $t(228) = 3,80, p=0,000$. Kết quả này cũng giống như đối với Khoa tiếng Anh và cần được khảo sát định tính để tìm hiểu kỹ hơn.

Khoa tiếng Pháp

Chất lượng giảng dạy các môn thực hành tiếng và lý thuyết

Trong thời gian khảo sát, Khoa tiếng Pháp đang tổ chức giảng dạy các môn thực hành tiếng (nghe, nói, đọc, viết) cho sinh viên năm thứ 2 và các môn Ngữ âm và Văn hóa văn minh. Tuy nhiên, do số lượng sinh viên ít nên nhóm nghiên cứu chỉ thu thập số liệu về chất lượng giảng dạy 2 môn thực hành tiếng của Khoa tiếng Pháp là môn đọc và nghe. Biểu 7 so sánh chất lượng giảng dạy 2 khối môn học này của Khoa.



Biểu 5: So sánh chất lượng giảng dạy các môn lý thuyết và thực hành Khoa tiếng Pháp

Dữ liệu trong Biểu 7 cho thấy chất lượng giảng dạy các môn lý thuyết và thực hành của Khoa tiếng Pháp là tương đối đồng đều. Giá trị trung bình chung cho các môn lý thuyết (3,36) nhỉnh hơn một chút so với 2 môn thực hành tiếng (3,06). So sánh giá trị các thành phần cho thấy kết quả tương đối đồng đều trong nội bộ các nhóm môn học và giữa 2 nhóm môn học: Điểm chung của cả 2 nhóm môn học là giá trị trung bình dành cho giảng viên là cao nhất, tiếp đến là kiểm tra-đánh giá và cuối cùng là tổ chức giảng dạy.

Nhằm tìm hiểu xem có sự khác nhau giữa sinh viên học các môn thực hành tiếng (năm 2) và lý thuyết (năm 3) trong việc đánh giá chất lượng môn học nói chung hay không, tác giả sử dụng phép kiểm định T-test với giả định ban đầu (H_0) là không có sự khác nhau trong nhận định của sinh năm 2 và năm 3 về chất lượng giảng dạy môn học. Chất lượng giảng dạy các môn học được đo lường theo 2 tiêu chí là:

- Môn học góp phần trang bị kiến thức đầy đủ cho sinh viên
- Môn học trang bị kỹ năng nghề nghiệp cho sinh viên

Bảng 13 trình bày kết quả phân tích.

Nội dung	Năm	Levene's Sig	Số lượng (N)	Trung bình (MD)	Độ lệch chuẩn (SD)	t	df	Sig (2-tailed)	Kết luận
Môn học góp phần trang bị kiến thức đầy đủ cho anh/chị	THT	0,004	135	2,92	0,647	-4,711	217	0,000	Có khác nhau
	Lý thuyết		84	3,36	0,705				
Môn học trang bị kỹ năng nghề nghiệp cho anh/chị	THT	0,965	135	2,84	0,771	-1,815	164,723	0,071	Không khác nhau
	Lý thuyết		83	3,05	0,825				

Bảng 13: Kết quả so sánh chất lượng môn học lý thuyết và thực hành của Khoa tiếng Pháp

Dữ liệu trong Bảng 13 cho thấy có sự khác nhau trong nhận định của sinh viên học THT (MD = 2,92, SD = 0,65) và sinh viên học các môn lý thuyết (MD = 3,36, SD = 0,71) về việc môn học góp phần nâng cao kiến thức cho sinh viên: $t(219) = 4,71$, $p=0,00$. Tuy nhiên, không sự khác nhau trong nhận định của sinh viên học THT (MD = 2,84, SD = 0,77) và các môn lý thuyết (MD = 3,05, SD = 0,83) về việc các môn học góp phần nâng cao kỹ năng nghề nghiệp cho sinh viên: $t(218) = 1,82$, $p=0,07$.

Tóm lại, kết quả phân tích tần suất cho thấy có sự khác nhau về chất lượng giảng dạy các môn học lý thuyết và thực hành ở 3 khoa. Tuy nhiên, sự khác nhau lớn nhất là ở Khoa tiếng Anh và Khoa tiếng Đức, còn ở Khoa tiếng Pháp, sự khác biệt rất thấp. Kết quả chạy phép phân tích kiểm định T-test cũng cho thấy là có sự khác nhau trong nhận định của sinh viên năm thứ 2 (học thực hành tiếng) và năm thứ 3 (học các môn lý thuyết) của cả 3 khoa trong việc đánh giá chất lượng giảng dạy môn học, trừ Khoa tiếng Pháp về việc môn học trang bị kỹ năng nghề nghiệp cho sinh viên. Đây là những vấn đề cần được nghiên cứu sâu hơn.

III. KẾT LUẬN VÀ KHUYẾN NGHỊ

Bài viết này so sánh chất lượng giảng dạy một số môn thực hành tiếng và lý thuyết giữa 3 Khoa tiếng Anh, tiếng Đức và tiếng Pháp. Kết quả phân tích định lượng cho thấy không có sự khác biệt lớn về chất lượng giảng dạy nói chung tại 3 khoa. Các giảng viên được sinh viên đánh giá cao nhất. Các yếu tố về tổ chức giảng dạy (phòng học, trang thiết bị, chương trình đào tạo ...) và kiểm tra, đánh giá giá trị điểm trung bình tương đối giống nhau.

Kết quả nghiên cứu cũng cho thấy đối với Khoa tiếng Anh và tiếng Đức chất lượng giảng dạy các môn lý thuyết cao hơn một chút so với các môn thực hành tiếng. Tuy nhiên, đối với Khoa tiếng Pháp, chất lượng giảng dạy 2 nhóm môn này tương đối đồng đều. Sinh viên 3 khoa cũng như sinh viên năm 2 và năm 3 của mỗi khoa cũng có nhận định tương đối giống nhau về mức độ các môn học góp phần nâng cao kiến thức và kỹ năng nghề nghiệp cho họ.

Kết quả phân tích hồi quy trong nghiên cứu cũng cho thấy đối với công tác kiểm tra, đánh giá, các yếu tố tác động chính đến việc kết quả kiểm tra giúp đánh giá

chính xác khả năng của sinh viên là sự đánh giá thường xuyên trong quá trình học, phương thức kiểm tra và sự cần thiết phải thông báo cho sinh viên phương pháp kiểm tra-đánh giá ngay từ buổi học đầu tiên. Các yếu tố ảnh hưởng đến chất lượng giảng dạy của giảng viên bao gồm: phương pháp truyền đạt, sự giải đáp thắc mắc của sinh viên, khả năng kết hợp nhiều phương pháp giảng dạy và hoạt động khác nhau, sự liên hệ giữa lý thuyết và thực hành và việc giảng viên hướng dẫn và luyện tập cho sinh viên phương pháp liên hệ giữa các vấn đề trong môn học với thực tế.

Bài viết chủ yếu dựa trên số liệu định lượng và chỉ với một số môn học nhất định. Vì vậy kết quả nghiên cứu còn hạn chế và chưa thể phản ánh hết chất lượng giảng dạy các môn học tại 3 khoa. Tuy nhiên, tác giả cũng đưa ra một số khuyến nghị sau:

Thứ nhất, cần đầu tư nhiều hơn nữa cho cơ sở vật chất, trang thiết bị và tài liệu giảng dạy cho môn học. Hiện nay, Trường Đại học Hà Nội đã đầu tư nhiều vào phòng máy phục vụ dạy và học ngoại ngữ, nhưng cần đầu tư hơn nữa vào các phòng học như máy chiếu, máy vi tính để khuyến khích giảng viên tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin trong dạy và học ngoại ngữ và làm cho giờ học ngoại ngữ hiệu quả hơn.

Thứ hai, giảng viên cần dành thời gian tìm hiểu và ứng dụng tốt hơn nữa công nghệ thông tin trong giảng dạy. Đồng thời cần bồi dưỡng, nâng cao kỹ năng truyền đạt kiến thức và phương pháp tổ chức lớp học để sinh viên hoạt động nhiều hơn nữa,

tăng cường kỹ năng thực hành tiếng và các kỹ năng mềm khác như làm việc nhóm, trình bày... Giảng viên dạy các môn lý thuyết cần tăng cường sự liên hệ giữa lý thuyết và thực hành để giúp sinh viên làm quen với kinh nghiệm thực tế công việc sau khi tốt nghiệp.

Thứ ba, cần tiến hành nghiên cứu, đánh giá hiệu quả của công tác đánh giá thường xuyên quá trình học và kiểm tra hết môn để nâng cao giá trị của kết quả kiểm tra. Chất lượng giảng dạy các môn học, đặc biệt là các môn thực hành tiếng, phụ thuộc nhiều vào quá trình dạy và học. Bài kiểm tra kết thúc môn học chỉ là một phần trong quá trình học. Sinh viên cần được đánh giá thường xuyên, bao gồm cả tự đánh giá, để thấy được sự tiến bộ của quá trình rèn luyện.

Cuối cùng, Nhà trường cần xây dựng kế hoạch tổng thể cho công tác khảo sát, lấy ý kiến của sinh viên về chất lượng môn học. Các đợt khảo sát nên bao gồm cả phỏng vấn sinh viên, khảo sát lấy ý kiến giảng viên, dự giờ buổi học ... để từ đó đưa ra được các khuyến nghị đầy đủ hơn, góp phần nâng cao chất lượng giảng dạy ở 3 khoa nói riêng và Trường Đại học Hà Nội nói chung.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. AUN-QA (2016). Guide to AUN-QA Assessment at Institutional Level. Retrieved from [http://aunsec.org/pdf/Guide%20to%20AUNQA%20Assessment%20at%20Institutional%20Level%20Version2.0_Final_for_publication_2016%20\(1\).pdf](http://aunsec.org/pdf/Guide%20to%20AUNQA%20Assessment%20at%20Institutional%20Level%20Version2.0_Final_for_publication_2016%20(1).pdf).
2. Bộ Giáo dục và Đào tạo (2016). Thông tư 04/2016/TT-BGDĐT: Tiêu chuẩn đánh giá chất lượng chương trình đào tạo các trình độ của giáo dục đại học. Tải từ <http://cea.vnu.edu.vn/vi/content/thong-tu-042016tt-bgdtdt-ve->

tiêu-chuan-danh-gia-chat-luong-chuong-trinh-dao-tao.

3. Bộ Giáo dục và Đào tạo (2017). Công văn 37/BGDĐT-GDĐH: Rà soát, công bố và công bố thông tin tuyển sinh chính quy hệ ĐH; CĐ nhóm ngành đào tạo giáo viên năm 2017.

4. Bryant Julie (2006). Assessing expectations and perceptions of the campus experience: The Noel-Levitz Student Satisfaction Inventory. *New Directions for Community Colleges*, 2006 (134), 25-35.

5. Nguyễn Thị Thu Hiền (2015). *Đánh giá mức độ hài lòng của sinh viên khối ngành kinh tế tại Trường Đại học Công nghiệp Hà Nội*. Luận văn Thạc sĩ, Trường Đại học Công nghiệp Hà Nội, Hà Nội.

6. Trần Xuân Kiên (2009). *Đánh giá sự hài lòng của sinh viên về chất lượng đào tạo*

tại Trường Đại học Kinh tế và Quản trị Kinh doanh - Đại học Thái Nguyên. Luận văn Thạc sĩ, Viện Đảm bảo chất lượng giáo dục, Đại học Quốc gia Hà Nội, Hà Nội.

7. Lại Xuân Thủy và Phan Thị Minh Lý (2011). Đánh giá chất lượng đào tạo tại khoa Kế toán - Tài chính, Trường Đại học Kinh tế, Đại học Huế trên quan điểm của người học. *Tạp chí Khoa học và Công nghệ - Đại học Đà Nẵng*, 3(44).

8. Chu Nguyễn Mộng Ngọc và Hoàng Trọng (2008). *Phân tích dữ liệu nghiên cứu với SPSS (Vol. 1)*. Tp. Hồ Chí Minh: Hồng Đức.

9. Witowski Lisa (2008). The Relationship Between Instructional Delivery Methods and Student Learning Preferences: What Contributes to Student Satisfaction in an Online Learning Environment? ProQuest.

(Toà soạn nhận bài viết ngày 15/8/2017, duyệt đăng ngày 18/12/2017)